

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 119 /2024/HC-ST
Ngày 12 - 9 -2024

V/v khiếu kiện hủy quyết định thu hồi đất
và các quyết định khác có liên quan

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Ông Nguyễn Nam Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Mai Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 102/2024/TLST-HC ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc “Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất và các quyết định khác có liên quan” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2024/QĐXXST-HC ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 420/2024/QĐ-HC ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Bà Bùi Thị D; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đào Duy K, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (Văn bản Ủy quyền ngày 08/4/2024); bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn D, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương và ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1987; địa chỉ: Xã C, huyện T, thành phố Hà Nội (văn bản Ủy quyền ngày 31/5/2023), ông K, ông M có mặt, bà B vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Đình V,

Luật sư Công ty L; địa chỉ: Công ty L, tầng 4 Tòa nhà Hà Thành P, số A T, quận Đ, thành phố Hà Nội, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bà Ngô Thị N, Luật sư Công ty L,; địa chỉ: Công ty L, tầng 4 Tòa nhà Hà Thành P, số A T, quận Đ, thành phố Hà Nội, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, có mặt;

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H; Địa chỉ: Số A H, phường M, quận H, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo Ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H: Ông Lê Anh Q - Phó chủ tịch thường trực UBND thành phố H (Quyết định Ủy quyền số 2369/QDD-UBND ngày 12/7/2024), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H:

+ Ông Phạm Văn T, Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H, vắng mặt;

+ Ông Đinh Chính Q1 - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

+ Bà Vũ Thị H, Phó trưởng ban, Ban tiếp công dân thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

+ Bà Vũ Thị X, Chuyên viên Phòng kinh tế- Định giá đất, Sở tài nguyên và môi trường thành phố H, vắng mặt;

+ Ông Trần Văn H1, Chuyên viên Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và Theo dõi Thi hành pháp luật Sở Tư pháp, vắng mặt;

+ Bà Lê Thị Diễm Q2, Chuyên viên Phòng tài nguyên và Môi trường huyện T, vắng mặt.

+ Ông Phạm Quyết T1, Chuyên viên Ban tiếp công dân thành phố Hải Phòng, có mặt.

2.2 Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số E, đường Đ, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng;

2.3 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số E, đường Đ, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Đinh Chính Q1 - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng (theo Quyết định ủy quyền số 5038/QĐ-UBND

ngày 20/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng); **vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T:

1. Ông Nguyễn Hồng T2, Phó trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;
2. Ông Nguyễn Gia B1, Phó giám đốc Trung tâm phát triển Quỹ Đất huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;
3. Bà Hoàng Thị Hải V1, Chuyên viên phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt;
4. Ông Hoàng Xuân K1, Nhân viên Trung tâm phát triển quỹ đất, có mặt;
5. Bà Lê Thị M1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;
6. Bà Vũ Thị M2, Công chức Địa chính- Xây dựng xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện, những người đại diện theo Ủy quyền của người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện thống nhất trình bày:

Ngày 31/3/2023, bà D nhận được Quyết định thu hồi đất số 2383/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện T. Ngoài Quyết định 2383/QĐ-UBND bà D chỉ được giao kèm theo Phương án bồi thường, hỗ trợ số 64/PA-TCT ngày 31/3/2023 của Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện T. Không đồng ý với Quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường nên ngày 10/5/2023, bà D đã có đơn khiếu nại lần đầu gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 25/7/2023, bà D nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6430/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng **với** nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của bà D. Ngày 26/7/2023, bà D lại tiếp tục có đơn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T. Ngày 20/3/2024, bà D nhận được Quyết định số 711/QĐ- UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của bà D. Sau khi nghiên cứu nội dung, bà D hoàn toàn không đồng ý với các Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của bà D bởi các lý do sau:

1. Bà D không đồng ý với các Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện T vì đã xác định sai loại đất bị thu hồi: Quyết định thu hồi đất số 2383/QĐ-UBND xác định toàn bộ diện tích đất 367,3m² bị thu hồi của gia đình bà D là đất nông nghiệp thuộc thửa 996 được giao theo Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 4/1/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố H; Quyết định số 2385/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND huyện T về việc điều chỉnh Quyết định số 18694/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện T khi nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường bao phía nam, xã T, huyện T (gọi tắt là *Quyết định số 2385*) và Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất số 64/PA-TCT của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T (gọi tắt là *Phương án số 64*) ban hành kèm theo Quyết định số 2385/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND huyện T, các quyết định này là không đúng với thực tế sử dụng đất và không đúng với ranh giới giải phóng mặt bằng của dự án.

Thực tế ranh giải phóng mặt bằng dự án làm đường đã lấy âm sâu vào tường sau nhà ở của gia đình bà D diện tích khoảng 23,7m² thuộc thửa đất ở số 996A, tờ bản đồ 02 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 666334 ngày 01/6/2007 cho bà D.

Theo thực tế sử dụng đất thì gia đình bà D sử dụng 1 phần thửa đất 996 từ những năm 1985 với mục đích để ở nhưng chưa làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1995, Ủy ban nhân dân huyện C đất nông nghiệp cho người dân theo Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 04/1/1994, theo đó, gia đình bà D được chia đất nông nghiệp liền kề với đất ở hiện trạng để thuận tiện cho quá trình canh tác, quản lý và sử dụng. Gia đình bà D được Ủy ban nhân dân huyện C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp tại thửa 996 với diện tích là 630m² vào ngày 20/8/1995. Như vậy, thời điểm nhà nước giao đất nông nghiệp cho gia đình bà D là giao sau khi gia đình bà D sử dụng đất ở ổn định, không tranh chấp tại 1 phần thửa đất 996. Năm 2007, vợ chồng bà D đã được Ủy ban nhân dân huyện T công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với thửa 996A với diện tích là 240m². Tuy nhiên, do kỹ thuật đo đạc giữa các thời kỳ khác nhau nên có sự sai số về kỹ thuật dẫn đến việc vợ chồng bà D được công nhận phần diện tích đất ở trên giấy chứng nhận nhỏ hơn so với thực tế sử dụng. Ranh mốc giới lịch sử quan trọng nhất để phân định đất ở và đất nông nghiệp được giao của bà D là bờ kè đá, cây xoài, được xây dựng và trồng từ những năm 1987. Từ những phân tích nêu trên, bà D khẳng định có căn cứ để chứng minh việc xác định loại đất bị thu hồi của Ủy ban nhân dân huyện T trong Quyết định thu hồi đất số 2383/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 là không đúng với thực tế sử dụng đất và không đúng với ranh giới giải phóng mặt bằng của dự án.

2. Không đồng ý với Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2385 và Phương án bồi thường số 64 vì không bồi thường đúng diện tích đất ở, nhà ở và chi phí đầu tư vào đất còn lại:

Đối với việc không bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 23,7 m² đất ở của gia đình bà D đã bị thu hồi tại thửa đất 996A. Theo Quyết định thu hồi đất thì thực tế gia đình bà D bị thu hồi thêm phần diện tích khoảng 23,7 m² là đất ở thuộc thửa 996A nên buộc Ủy ban nhân dân huyện T phải bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá đất ở cho gia đình bà D.

Đối với việc không bồi thường thiệt hại về nhà ở: Như đã phân tích, thực tế ranh giới giải phóng mặt bằng đã lấy sâu vào đất ở và nhà ở của hộ gia đình bà D làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết cấu ngôi nhà. Hiện tại, hộ gia đình của bà D có cả người già, trẻ nhỏ không có khả năng lao động. Việc dự án xây dựng tuyến đường đi qua 1 phần ngôi nhà dẫn đến khả năng gia đình bà D phải tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà để xây dựng lại mới đảm bảo hành lang an toàn giao thông. Hiện nay, trong quá trình thi công dự án, nhà ở của gia đình bà D đã xuất hiện nhiều vết nứt, có nguy cơ bị sụp đổ bất kỳ lúc nào. Bà D đã nhiều lần có đơn **kiến** nghị, phản ánh gửi đến Ủy ban nhân dân xã T, Ủy ban nhân dân huyện T cũng như Ủy ban nhân dân thành phố H nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng. Việc Ủy ban nhân dân huyện T không bồi thường thiệt hại về đất ở, nhà ở cho gia đình bà dẫn đến việc gia đình bà D có nguy cơ không có chỗ ở là hoàn toàn không hợp lý, hợp tình theo quy định tại Điều 89 Luật đất đai năm 2013.

Đối với việc không bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất nông nghiệp bị thu hồi: Theo điều 77 Luật Đất đai 2013 quy định “Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân”

Như vậy, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất theo quy định pháp luật thì được bồi thường hai khoản: (1) Bồi thường về đất, (2) Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại căn cứ theo Khoản 2 Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP. Trước đây, thửa đất 996 gia đình bà D dùng để trồng lúa, tuy nhiên, do thửa đất trên rất trũng, liên tục bị ngập úng, rất khó khăn trong việc canh tác. Do vậy, từ những năm 1990, gia đình bà D đã liên tục phải hút bùn, đổ đất trong nhiều năm để tôn tạo thửa đất cao hơn (ước tính khoảng 1,2m so với ban đầu) để thuận tiện cho quá trình canh tác, sử dụng. Minh chứng là bờ kè đá gia đình bà D xây dựng như đã trình bày, do phần đất nông nghiệp trũng, thấp hơn phần đất ở nên gia đình bà D phải xây bờ kè để ngăn chặn sự sạt **lở**, sỏi mòn. Tiếp đó, nhờ hút bùn, đổ đất nên hiện tại phần đất nông nghiệp đã được tôn cao gần ngập bờ kè đá, ngang bằng với phần đất ở. Ủy ban nhân dân huyện xác định thửa đất bị thu hồi của gia đình bà là thửa số 27, có 2 hộ đang sử dụng là hộ gia đình bà

D và hộ bà Đào Thị S (là mẹ chồng bà D). Trong đó, hộ gia đình bà D sử dụng 367,3m² và hộ bà S sử dụng diện tích 360m². Tuy nhiên, giấy chứng nhận mang tên hộ bà S nhưng thực tế sử dụng là gia đình bà D sử dụng. Quá trình sử dụng, gia đình bà cũng tôn tạo, hút bùn, đổ đất cho toàn bộ diện tích đất của hộ gia đình bà D và hộ bà S. Từ những căn cứ trên, gia đình bà D có đủ điều kiện để được xem xét việc bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với phần diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (tổng cộng là 703,6m², trong đó có 343,6m² đất nông nghiệp thuộc thửa 996 của gia đình bà D và 360m² đất nông nghiệp đứng tên hộ bà Bùi Thị S1) theo đúng thực tế sử dụng.

3. Không đồng ý với toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6430/QĐ-UBND ngày 24/07/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 711/QĐ- UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H do đánh giá không khách quan, toàn diện tài liệu chứng cứ và áp dụng không đúng quy định pháp luật để bác các yêu cầu khiếu nại của bà D.

a.Xác định không đúng ranh giới, mốc giới của thửa đất 996A và 996. Thanh tra huyện T, thanh tra thành phố Hải Phòng thực hiện sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tổ chức đo đạc, xác minh thực địa thửa đất để giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên tại các buổi đo đạc, xác minh, cơ quan trên đã không căn cứ theo hiện trạng sử dụng đất, ranh, mốc giới lịch sử quan trọng của gia đình bà D bỏ qua căn cứ quan trọng nhất là cây xoài gia đình bà trồng từ năm 1987 và bờ kè đá gia đình bà xây từ những năm 1987 để ngăn cách giữa đất nông nghiệp và đất ở.

Cơ quan thanh tra căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 666334 ngày 01/6/2007 của gia đình bà D để xác định diện tích, ranh, mốc giới theo thửa 996A. Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có hệ tọa độ dẫn đến việc xác định không chính xác ranh, mốc giới. Đồng thời, do kỹ thuật đo đạc giữa các thời kỳ khác nhau nên có sự sai số về kỹ thuật dẫn đến việc gia đình bà D được công nhận phần diện tích đất ở trên giấy chứng nhận nhỏ hơn so với thực tế sử dụng.

Khoản 2 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại “*Điều 12. Bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất*”

Nếu diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất do việc đo đạc trước đây thiếu chính xác hoặc do khi kê khai đăng ký trước đây người sử dụng đất không kê khai hết diện tích nhưng toàn bộ ranh giới thửa đất đã được xác định là không thay đổi, không có tranh chấp với những

người sử dụng đất liền kề, không do lấn, chiếm thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế.”

b. Kết quả đo đạc không thể hiện rõ phần diện tích đất nông nghiệp tại thửa 996 là bao nhiêu mét vuông; diện tích đất ở tại thửa 996A là bao nhiêu mét vuông; phần diện tích đất bị thu hồi theo ranh giới giải phóng mặt bằng là bao nhiêu mét vuông; phần diện tích gia đình bà D đang yêu cầu bồi thường là đất ở là bao nhiêu mét vuông (gia đình bà D đang ước tính là khoảng 23,7m²) theo thực tế sử dụng đất và thực trạng giải phóng mặt bằng

c. Kết quả giải quyết khiếu nại không khách quan, toàn diện do các lãnh đạo, các cơ quan trên không cung cấp các tài liệu, chứng cứ làm căn cứ giải quyết khiếu nại để bà D được tiếp cận, đánh giá;

d. Áp dụng không đúng quy định pháp luật liên quan đến việc bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại

Tại 2 Quyết định nêu trên đều xác định gia đình bà D được bồi thường về đất nông nghiệp theo đơn giá 72.000 đồng/m² thì không được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại. Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 711, Chủ tịch UBND thành phố H cho rằng gia đình bà D không thuộc trường hợp được bồi thường chi phí đầu tư vào đất theo khoản 1 Điều 76 và điểm b khoản 1 Điều 77 Luật đất đai 2013 là đang hiểu sai dẫn đến việc áp dụng sai quy định pháp luật.

Theo quy định tại Điều 76 và Điều 77 xác định 2 trường hợp: gồm không được bồi thường về đất mà chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và được bồi thường cả về đất và chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Thứ nhất, khoản 1 Điều 76 và điểm b khoản 1 Điều 77 Luật Đất đai 2013 chỉ ra các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất. Chủ tịch UBND thành phố H đã xác định gia đình bà không thuộc các trường hợp trên.

Thứ hai, điểm a khoản 1 điều 77 đã xác định, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất theo quy định pháp luật thì được bồi thường hai khoản: (1) Bồi thường về đất, (2) Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Không có quy định nào xác định đối với đất nông nghiệp đã được bồi thường về đất thì không được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại. Do vậy, việc gia đình bà D yêu cầu bổ sung phương án bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất là hoàn toàn có cơ sở, vì vậy bà D đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Hủy bỏ 1 phần Quyết định thu hồi đất số 2383/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND huyện T để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bao phía nam, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng;

- Hủy bỏ 1 phần **quyết định số** 2385/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND huyện T về việc điều chỉnh Quyết định số 18694/QĐ- UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T khi nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bao phía Nam xã T huyện T và 01 phần Phương án bồi thường số 64/PA-TCT bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường bao phía nam, xã T, huyện T đối với hộ bà Bùi Thị D;

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6430/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T;

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 711/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T điều chỉnh Quyết định thu hồi đất số 2383, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2385 và Phương án bồi thường số 64/PA-TCT theo đúng hiện trạng và quy định pháp luật.

Quan điểm của người bị kiện Ủy ban nhân thành phố Hải Phòng và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Sau khi nhận được đơn ngày 24/7/2023 của bà Bùi Thị D khiếu nại Quyết định số 6430/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu với các nội dung:

Đề nghị công nhận 23,7m² là đất ở thuộc Thửa đất số 996A trong diện tích đất nông nghiệp thu hồi 367,3m² tại Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng đường bao phía Nam, xã T, huyện T.

Nội dung thứ hai: Đề nghị bổ sung đền bù hỗ trợ 23,7m² đất ở thuộc Thửa đất số 996A, bổ sung chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất nông nghiệp diện tích 343,6m².

Nội dung thứ ba: Khiếu nại Quyết định số 4062/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về cưỡng chế thu hồi đất.

Nội dung thứ tư: Kiến nghị về trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu của Ủy ban nhân dân huyện T.

Sau khi xem xét nội dung đơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã thụ lý, giao Thanh tra thành phố kiểm tra, xác minh, tổ chức đối thoại và đã ban hành

Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị D. Theo xác minh, kết luận về các yêu cầu của bà Bùi Thị D được xác định:

- Về việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ: Ngày 31/03/2023, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2383/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 367,3m² đất nông nghiệp giao theo Quyết định số 03-QĐ/UB ngày 04/01/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố H của hộ gia đình bà Bùi Thị D.

Theo Phương án bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt tại Quyết định số 2385/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T (điều chỉnh Quyết định số 18694/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T), hộ gia đình bà Bùi Thị D được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 202.672.600 đồng (Bằng chữ: Hai trăm linh hai triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm đồng), gồm:

- Về đất: Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm giao theo Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 04/1/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố H = 367,3m² x 72.000 đồng/m² = 26.445.600 đồng.

- Về cây cối, hoa màu: 22.399.000 đồng.

- Các khoản hỗ trợ (đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; ổn định đời sống và sản xuất): 153.828.000 đồng.

* Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất: Hồ sơ quản lý đất đai hiện đang lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T gồm có: Bản đồ giải thửa 299 thể hiện, thửa đất số 996, tờ bản đồ số 02, loại đất "2L", diện tích 1.380m²; Sổ mục kê năm 1985 thể hiện: Thửa đất số 996, Tờ bản đồ số 02, loại đất "2 lúa", chủ sử dụng ghi "Đội 4", diện tích 1.380m². Ngày 20/8/1995, bà Bùi Thị D được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp với tổng diện tích 1.236,0m²; trong đó: Thửa đất số 996, tờ bản đồ số 02 có diện tích 636,0m². Theo Báo cáo số 209/BC-UBND ngày 28/9/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T và các tài liệu liên quan thể hiện: Tại Phiếu điều tra hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp đối với hộ gia đình bà Bùi Thị D lập ngày 25/8/1994: Thửa đất số 996, Tờ bản đồ 02, diện tích 636m²; có vị trí (1) Phía Đông giáp Sầm, (2) Phía Tây giáp Chóng, (3) Phía Nam giáp bờ vùng, (4) Phía Bắc giáp bờ tre.

- Về quy hoạch sử dụng đất: Quy hoạch nông thôn mới xã T đến năm 2020: Là đất cơ sở sản xuất, kinh doanh. Quy hoạch chung thị trấn N, huyện T và phần mở rộng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 21/6/2018: Là đất cây xanh. Quy hoạch sử dụng đất huyện T 2021-2030 được Ủy ban nhân dân thành phố

phê duyệt tại Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 08/7/2022: Là đất chuyên trồng lúa nước.

Hiện trạng công trình trên diện tích đất nông nghiệp nằm trong chỉ giới thu hồi gồm: Chuồng chăn nuôi, hệ thống công tưới thải gia đình xây dựng trên đất nông nghiệp nên không được bồi thường, hỗ trợ; đất vật lập trên đất nông nghiệp không được tính bồi thường, hỗ trợ.

* Về nội dung khiếu nại: Đề nghị công nhận 23,7m² là đất ở thuộc Thửa đất số 996A trong diện tích đất nông nghiệp thu hồi 367,3m² tại Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng đường bao phía Nam, xã T, huyện T. Ông Đào Duy K và bà Nguyễn Thị B (đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị D) cho rằng hộ gia đình bà Bùi Thị D phải được công nhận quyền sử dụng đất ở đối với diện tích chênh lệch (tăng lên) giữa diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp với diện tích đo đạc thực tế theo quy định tại khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013. Theo Mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/500 do Công ty Cổ phần T4 lập, được Sở T thẩm định ngày 03/3/2021 thể hiện: Thửa đất số 27, Tờ bản đồ số 03 có 02 hộ đang sử dụng là hộ gia đình bà Đào Thị S (diện tích thu hồi là 360m²) và hộ gia đình bà Bùi Thị D (diện tích thu hồi là 367,3m²). Theo Trích lục nguồn gốc đất đai do Ủy ban nhân dân xã T lập, được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T thẩm định và được Ủy ban nhân dân huyện T xác nhận thể hiện: Diện tích đất thu hồi 367,3m² của hộ gia đình bà Bùi Thị D đã là đất nông nghiệp được giao theo Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 04/01/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố H, thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/8/1995.

Ngày 01/6/2007, bà Bùi Thị D và chồng là ông Đào Văn B2 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở với diện tích 240m² tại Thửa đất số 996A, Tờ bản đồ số 2, thôn D, xã T, huyện T. Theo Biên bản xác định ranh giới - mốc giới lập ngày 15/11/2005 trong Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nêu trên thể hiện: Phía Bắc giáp Đào Văn S2; Phía Đông giáp ngõ chung rộng 1,5m; Phía Nam giáp đất canh tác; Phía Tây giáp đất canh tác (Biên bản được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã T và ông Đào Văn B2 ký xác nhận).

Thực hiện Văn bản số 1864/TTTP-NV3 ngày 20/9/2023 của Thanh tra thành phố, ngày 13/10/2023, đại diện các Phòng, ban chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện T (Thanh tra huyện, Phòng T, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân xã T, Ban Q3) đã phối hợp với Công ty Cổ phần T4 thực hiện việc đo đạc thực tế vị trí thu hồi đất tại Thửa đất số 27, Tờ bản đồ số 03 (theo Trích đo địa chính phục vụ việc thu hồi đất thực hiện Dự án), có sự chứng kiến của bà Bùi Thị D, bà

Nguyễn Thị B (người đại diện theo ủy quyền) và ông Đào Huy T3 (hộ giáp ranh với bà Bùi Thị D).

Ngày 30/10/2023, Ủy ban nhân dân huyện T có Văn bản số 3657/UBND-TTr báo cáo kết quả đo đạc hiện trường kèm theo bản đồ hiện trạng thửa đất do Công ty Cổ phần T4 cung cấp, trong đó thể hiện: Diện tích trong chỉ giới thu hồi là 367,3m² bằng với diện tích thu hồi đất theo Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Diện tích 240m² đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 01/6/2007 bà Bùi Thị D và ông Đào Văn B2 được xác định nằm ngoài chỉ giới thu hồi thực hiện Dự án.

Như vậy, nội dung khiếu nại của bà Bùi Thị D về việc đề nghị công nhận 23,7m² là đất ở thuộc Thửa đất số 996A trong diện tích đất nông nghiệp thu hồi 367,3m² tại Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án là không có cơ sở.

Đối với Đề nghị bổ sung đền bù hỗ trợ 23,7m² đất ở thuộc thửa 996A, bổ sung chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất nông nghiệp diện tích 343,6m²: Do nội dung khiếu nại về việc đề nghị công nhận 23,7m² là đất ở thuộc Thửa đất số 996A trong diện tích đất nông nghiệp thu hồi 367,3m² tại Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án là không có cơ sở nên việc bà Bùi Thị D đề nghị bổ sung đền bù hỗ trợ 23,7m² đất ở thuộc thửa 996A là không có cơ sở.

Theo Phương án bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt tại Quyết định số 2385/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T (điều chỉnh Quyết định số 18694/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T), hộ gia đình bà Bùi Thị D đã được bồi thường 367,3m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm giao theo Quyết định số 03-QĐ/UB ngày 04/01/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố H với số tiền là 26.445.000 đồng (đơn giá 72.000 đồng/m²), không thuộc trường hợp được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 76 và điểm b khoản 1 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013.

Như vậy, nội dung khiếu nại của bà Bùi Thị D về việc đề nghị bổ sung đền bù hỗ trợ 23,7m² đất ở thuộc Thửa đất số 996A, bổ sung chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất nông nghiệp diện tích 343,6m² là không có cơ sở.

Về khiếu nại Quyết định số 4062/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất: Hộ gia đình bà Bùi Thị D không tự nguyện chấp hành Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện T. Ngày 11/5/2023, Ủy ban nhân dân xã T, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã T, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T đã tổ chức tuyên truyền, vận động hộ gia đình bà Bùi Thị D

bàn giao mặt bằng cho Nhà nước để thực hiện Dự án. Ngày 16/5/2023, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 4062/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Bùi Thị D theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, khiếu nại của bà Bùi Thị D đối với Quyết định số 4062/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất là không có cơ sở.

Về kiến nghị về trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu của Ủy ban nhân dân huyện T: Ngày 22/5/2023, Ủy ban nhân dân huyện T nhận được Đơn khiếu nại ghi ngày 18/5/2023 của bà Bùi Thị D liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và cưỡng chế thu hồi đất thực hiện Dự án. Ngày 12/6/2023, Ủy ban nhân dân huyện B3 Thông báo số 377/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 12/6/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 4952/QĐ-UBND về giao Thanh tra huyện T xác minh nội dung khiếu nại của bà Bùi Thị D. Ngày 03/7/2023, Thanh tra huyện T có Báo cáo số 81/BC-TTr về kết quả kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 20/7/2023, thực hiện ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc tổ chức đối thoại, Thanh tra huyện T đã tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại với bà Bùi Thị D. Kết quả đối thoại: Đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị D không đồng ý với kết quả kiểm tra, xác minh của Thanh tra huyện T. Ngày 24/7/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 6430/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị D. Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện việc giải quyết khiếu nại, ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu theo thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 đối với bà Bùi Thị D và có nội dung: công nhận và giữ nguyên Quyết định số 6430/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị D (lần đầu) là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên và căn cứ các quy định của pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố xem xét: Bác đơn khởi kiện của bà Bùi Thị D, địa chỉ: thôn D, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T thống nhất trình bày:

Ngày 21/10/2022, Ủy ban nhân dân huyện B3 Thông báo số 658/TB-UBND về việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bao phía Nam xã T.

Ngày 26/10/2022, Ủy ban nhân dân huyện T5 họp các hộ dân có đất và tài sản trong phạm vi giải phóng mặt bằng để công bố Thông báo số 658/TB-UBND về việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bao phía Nam xã T.

Ngày 15/02/2023, Tổ công tác giải phóng mặt bằng huyện T tiến hành kiểm kê đất đai, cây cối hoa màu, vật kiến trúc trên đất thu hồi của hộ bà Bùi Thị D sau đó lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Bùi Thị D.

Ngày 20/2/2023, Ủy ban nhân dân huyện T5 họp dân công khai phương án dự thảo về bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T trong đó có hộ bà Bùi Thị D.

Ngày 11/3/2023, Tổ công tác giải phóng mặt bằng huyện T tiến hành lập biên bản kết thúc công khai Phương án dự thảo về bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân.

Ngày 31/03/2023, Ủy ban nhân dân huyện B3 Quyết định số 2383/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bao phía Nam, xã T, huyện T, theo đó: thu hồi diện tích 367,3m² đất nông nghiệp giao theo Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 04/01/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố H của hộ bà Bùi Thị D, địa chỉ: Thôn D, xã T.

Ngày 31/03/2023, Ủy ban nhân dân huyện B3 Quyết định số 2385/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 18694/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện K2 nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư, xây dựng đường bao phía Nam xã T; theo đó hộ bà Bùi Thị D (Phương án số 64/PA-TCT) được đền bù 367,3m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm giao theo Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 04/01/1994 của UBND thành phố H, với số tiền bồi thường về đất: 26.445.000 đồng.

Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ bà Bùi Thị D đúng theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Việc bà Bùi Thị D đề nghị hủy một phần Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất đối với hộ bà Bùi Thị D để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bao phía Nam xã T; Hủy một phần Quyết định số 2385 /QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc điều chỉnh Quyết định số 18694/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện T và một phần Phương án số 64/PA-TCT bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án là không có căn cứ.

Về nội dung Hủy Quyết định số 6430/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị D: Ngày

22/5/2023, UBND huyện T nhận được Đơn khiếu nại của bà Bùi Thị D, ngày 12/6/2023, UBND huyện T ban hành Thông báo số 377/TB- UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và ban hành Quyết định số 4952/QĐ-UBND giao Thanh tra huyện T xác minh nội dung khiếu nại của bà Bùi Thị D. Ngày 03/7/2023, Thanh tra huyện T có Báo cáo số 81/BC-TTr về kết quả kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 20/7/2023, thực hiện ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T về việc tổ chức đối thoại, Thanh tra huyện T đã tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại với bà Bùi Thị D, bà D không đồng ý với kết quả kiểm tra, xác minh của Thanh tra huyện T.

Ngày 24/7/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 6430/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị D.

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện việc giải quyết khiếu nại, ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu theo thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

Việc bà Bùi Thị D đề nghị Huỷ Quyết định số 6430/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị D (lần đầu) là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện T điều chỉnh Quyết định thu hồi đất số 2383/QĐ-UBND ngày 31/3/2024, thành phố Hải Phòng; Quyết định số 2385/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Phương án số 64/PA-TCT ngày 31/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T theo đúng hiện trạng và quy định pháp luật:

Nguồn gốc sử dụng đất: Theo hồ sơ lưu trữ tại UBND xã T thể hiện vị trí thửa đất hộ gia đình bà Bùi Thị D đang sử dụng thuộc thửa đất số 996, tờ bản đồ 02 theo Bản đồ giải thửa.

Theo sổ mục kê năm 1985 và bản đồ giải thửa 299 hiện đang lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện: thửa đất số 996, tờ bản đồ số 02, loại đất “2 lúa”, tên chủ sử dụng đất là “Đội 4”.

Ngày 20/8/1995, bà Bùi Thị D được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp với tổng diện tích 1.236,0m²; trong đó có thửa đất số 996, tờ bản đồ số 02, diện tích 636,0m².

Ngày 01/6/2007, bà Bùi Thị D và chồng là ông Đào Văn B2 được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở với diện tích 240m² tại thửa đất số 996A, tờ bản đồ số 2, thôn D, xã T, huyện T. Theo Biên bản xác định ranh giới - mốc giới lập ngày 15/11/2005 trong Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nêu trên thể hiện: Phía Bắc giáp Đào Văn S2; Phía Đông giáp ngõ chung rộng

1,5m; Phía Nam giáp đất canh tác; Phía Tây giáp đất canh tác (Biên bản được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, ủy ban nhân dân xã T và ông Đào Văn B2 ký xác nhận).

Theo trích đo địa chính phục vụ công tác giải phóng mặt bằng Dự án thể hiện: Hộ bà Bùi Thị D đang sử dụng thửa đất số 27, tờ bản đồ số 03, theo Mảnh trích đo địa chính phục vụ công tác giải phóng mặt bằng Dự án.

Hiện trạng thửa đất số 27, tờ bản đồ số 03 theo Mảnh trích đo địa chính có 02 hộ đang sử dụng: Hộ bà Bùi Thị D và hộ bà Đào Thị S, tổng diện tích đất nằm trong chỉ giới thu hồi là: 727,3m².

Từ các căn cứ trên, diện tích đất thu hồi tại thửa số 27, tờ bản đồ số 03 theo Mảnh trích đo địa chính, được xác định là đất nông nghiệp được giao theo Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 04/01/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố H. Hộ bà Đào Thị S diện tích thu hồi là 360m², hộ bà Bùi Thị D là 367,3m².

Phần diện tích đất thu hồi 367,3m² của hộ bà Bùi Thị D đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp ngày 20/08/1995, thửa đất số 996, tờ bản đồ giải thửa số 02, diện tích 636,0m², mục đích sử dụng trồng cây hàng năm.

Diện tích đất ngoài chỉ giới thu hồi gia đình bà Bùi Thị D đang sử dụng bao gồm 268,7m² đất nông nghiệp đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/08/1995, thửa đất số 996, tờ bản đồ giải thửa số 02, diện tích 636,0m², mục đích sử dụng trồng cây hàng năm và 240m² đất ở đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/6/2007, thửa 996A, tờ bản đồ số 2, thôn D, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Về phương án bồi thường, hỗ trợ: Ngày 31/03/2023, UBND huyện ban hành Quyết định số 2383/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bao phía Nam, xã T, huyện T, theo đó: thu hồi diện tích 367,3m² đất nông nghiệp giao theo Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 04/01/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố H của hộ bà Bùi Thị D, địa chỉ: Thôn D, xã T.

Ngày 31/03/2023, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2385/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 18694/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện K2 nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư, xây dựng đường bao phía Nam xã T; theo đó hộ bà Bùi Thị D (Phương án số 64/PA-TCT) được đền bù 367,3m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm giao theo Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 04/01/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố H, với số tiền bồi thường về đất là 26.445.000 đồng.

Căn cứ nguồn gốc đất, Ủy ban nhân dân huyện T đã lập và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ bà Bùi Thị D đã đúng, đủ theo quy định.

Các nội dung kiến nghị của bà Bùi Thị D liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ (Phương án số 64/PA-TCT): Bà Bùi Thị D đã được bồi thường toàn bộ diện tích đất thu hồi ($367,3\text{m}^2$) theo đơn giá đất nông nghiệp 72.000 đồng/ m^2 . Vì vậy, nội dung đề nghị tính bổ sung chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với diện tích đất nông nghiệp là không có cơ sở.

Căn cứ các hồ sơ, tài liệu, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất, toàn bộ diện tích đất thu hồi $367,3\text{m}^2$ là đất nông nghiệp được giao theo Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 04/01/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố H.

Như vậy, việc bà Bùi Thị D đề nghị công nhận $23,7\text{m}^2$ trong diện tích đất thu hồi $367,3\text{m}^2$ là đất ở thuộc thửa 996A là không có cơ sở.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 quy định trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất: “2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Đối với tài sản, vật kiến trúc (đất vật lập cho diện tích $343,6\text{m}^2$) được tạo lập trên đất nông nghiệp do bà Bùi Thị D đang sử dụng không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013.

Mặt khác, bà Bùi Thị D đã được bồi thường toàn bộ diện tích đất thu hồi ($367,3\text{m}^2$) theo đơn giá đất nông nghiệp 72.000 đồng/ m^2 .

Nội dung bà Bùi Thị D khiếu nại đề nghị được bồi thường vật kiến trúc là đất vật lập (chiều cao 1,3, diện tích $343,6\text{m}^2$) là không có cơ sở.

Việc bà Bùi Thị D đề nghị tòa “Buộc Ủy ban nhân dân huyện T điều chỉnh Quyết định phê duyệt phương án bồi thường thu hồi đất số 2383/QĐ-UBND ngày 31/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ 64/PA-TCT ngày 31/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T theo đúng hiện trạng và quy định pháp luật” là không có căn cứ.

Vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng căn cứ các quy định của pháp luật bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Bùi Thị D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Đào Duy K trình bày:

Anh K là con trai của bà D, với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quan điểm giống quan điểm của bà D đã trình bày và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Đối với các đương sự về cơ bản thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng hành chính; người bị kiện chấp hành chưa đầy đủ theo Điều 55, Điều 57 Luật tố tụng Hành chính **về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.**

Về nội dung: Xét các quyết định số 2383/QĐ-UBND; Quyết định 2385/QĐ-UBND kèm theo Phương án số 64/PA-TCT; Quyết định số 6430/QĐ-UBND và Quyết định số 711/QĐ-UBND được ban hành đúng quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự thủ tục và nội dung. Do đó, người khởi kiện yêu cầu huỷ một phần **phê duyệt phương án bồi thường** và buộc UBND huyện T xây dựng phương án bồi thường hỗ trợ đối với 23,7m² theo giá đất ở, yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất cũng như huỷ các Quyết định giải quyết khiếu nại là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Về án phí: Người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra công khai tại phiên tòa, đồng thời căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa và các bên đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đánh giá và nhận định về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng:

[1] *Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:* Người khởi kiện bà Bùi Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết tuyên huỷ Quyết định thu hồi đất số 2383/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND huyện T; Hủy bỏ 1 phần Quyết định phê duyệt phương án bồi thường 2385/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND huyện T về việc điều chỉnh Quyết định số 18694/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T khi nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bao phía nam xã T huyện T và 01 phần Phương án bồi thường số 64/PA-TCT ban hành kèm theo Quyết định 2385/QĐ-UBND ngày 31/3/2023; Hủy bỏ toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6430/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện T và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 711/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch UBND thành phố H; Buộc UBND huyện T điều chỉnh

Quyết định thu hồi đất số 2383, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2385 và Phương án bồi thường số 64/PA-TCT theo đúng hiện trạng và quy định pháp luật. Căn cứ khoản 1, 4 Điều 3; Điều 30; Điều 32 Điều 115 Luật Tố tụng hành chính thì người khởi kiện có quyền khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 31/3/2023 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định 2383/QĐ-UBND về việc thu hồi 367,3m² đất tại thửa số 996, tờ bản đồ số 02 theo Giấy chứng nhận của bà Bùi Thị D, tại địa chỉ Thôn D, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng Ngày 31/03/2023, UBND huyện ban hành Quyết định số 2385/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 18694/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện khi nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư, xây dựng đường bao phía Nam xã T; Ngày 16/5/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 4062/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất, Ngày 24/7/2023 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 6430/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Bùi Thị D và ngày 18/3/2024 Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 711/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai, ngày 08/4/2024 bà D yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng huỷ một phần Quyết định về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và buộc UBND huyện T xây dựng lại phương án bồi thường hỗ trợ đối với bà D kkhí thu hồi đất, cùng với yêu cầu huỷ quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 và lần 2 đối với bà Bùi Thị D. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện. Mặc dù bà D chỉ yêu cầu các nội dung liên quan Tòa án huỷ một phần Quyết định về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và buộc UBND huyện T xây dựng lại phương án bồi thường hỗ trợ đối với bà D kkhí thu hồi đất, cùng với yêu cầu huỷ quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 và lần 2 đối với bà Bùi Thị D nhưng trong quá trình giải quyết vụ án được đảm bảo đúng quy định của pháp luật Tòa án sẽ xem xét cả quyết định số 4062/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất.

[3] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, người khởi kiện vắng mặt nhưng đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có mặt, người bị kiện, người đại diện hợp pháp của người bị kiện, người khởi kiện, một số người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cũng như người bị kiện vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo thủ tục chung.

- Về nội dung

[4] *Về thẩm quyền ban hành Quyết định:* Căn cứ Điều 66, Điều 69, Điều 71 Luật đất đai 2013, Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định 2383/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 về việc thu hồi đất của hộ bà Bùi Thị D; Quyết định

2385/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 về việc điều chỉnh Quyết định 18694/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường bao phía Nam, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo là phương án số 64/PA-CTC; Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định 4062/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng thẩm quyền.

[5] Căn cứ Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai là đúng thẩm quyền.

[6] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ngày 21/10/2022 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Thông báo về việc thu hồi đất số 658/TB-UBND kèm theo danh sách các hộ dân có đất bị thu hồi, ngày 15/02/2023 tiến hành lập biên bản kiểm kê đất đai, cây cối hoa màu, vật kiến trúc trước khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ bà Bùi Thị D, ngày 31/3/2023 UBND huyện T ban hành Quyết định số 2383/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bao phía Nam, xã T, huyện T. Cùng ngày ban hành Quyết định số 2385/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 18694/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện T khi nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư, xây dựng đường bao phía Nam xã T có kèm theo phương án số 64/PA-TCT bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án, tiến hành niêm yết công khai trích lục nguồn gốc đất. Việc ban hành các Quyết định trên của Ủy ban nhân dân huyện T đã thực hiện đúng quy định tại các điều 67, 69 Luật đất đai năm 2013.

[6.1] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6430/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T: Ngày 22/5/2023, Ủy ban nhân dân huyện T nhận được Đơn khiếu nại của bà Bùi Thị D, ngày 12/6/2023, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Thông báo số 377/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và ban hành Quyết định số 4952/QĐ-UBND giao Thanh tra huyện T xác minh nội dung khiếu nại của bà Bùi Thị D. Ngày 03/7/2023, Thanh tra huyện T có Báo cáo số 81/BC-TTr về kết quả kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 20/7/2023, thực hiện ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc tổ chức đối thoại, Thanh tra huyện T đã tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại với bà Bùi Thị D, bà D không đồng ý nên ngày 24/7/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 6430/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị D.

[6.2] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 711/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch UBND thành phố H: Sau khi nhận được đơn ngày 24/7/2023 của bà Bùi Thị D khiếu nại Quyết định số 6430/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T. Sau khi xem xét nội dung đơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã thụ lý, giao Thanh tra thành phố kiểm tra, xác minh, tổ chức đối thoại và ngày 18/3/2024 đã ban hành Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị D.

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại đúng trình tự thủ tục.

[7] Về diện tích đất bị thu hồi: Theo Quyết định về việc thu hồi đất để thực hiện dự án số 2383/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T, bà Bùi Thị D bị thu hồi 367,3m² đất sản xuất nông nghiệp thuộc thửa đất số 996 tờ bản đồ số 02, đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nông nghiệp theo Nghị Quyết số 03/QĐ- UB của Ủy ban nhân dân thành phố H.

[8] Xét về nguồn gốc đất, Hội đồng xét xử thấy: Hộ bà Bùi Thị D sử dụng đất nông nghiệp từ trước năm 1993 tại xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; Năm 1993-1994, thực hiện Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về giao đất nông nghiệp sử dụng ổn định để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp và Quyết định số 03/QĐ- UB ngày 04/01/1994 của UBND thành phố; Ngày 20/8/1995 Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng 1236,00m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm cho bà Bùi Thị D diện tích sử dụng 1.236,00 m² gồm 03 thửa: Thửa đất số 996 có diện tích 636m², thửa đất số 798 có diện tích là 360m² và thửa đất số 488 có diện tích 240m² tất cả đều thuộc tờ bản đồ số 2 xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Thực hiện Dự án đường bao phía Nam xã T, huyện T, hộ bà Bùi Thị D bị thu hồi 367,3m² đất tại thửa 996 tờ bản đồ số 02 xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

[8.1] Theo sổ mục kê năm 1985 và bản đồ giải thửa 299 hiện đang lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện: thửa đất số 996, tờ bản đồ số 02, loại đất “2 lúa”, tên chủ sử dụng đất là “Đội 4”. Ngày 20/8/1995, bà Bùi Thị D được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp với tổng diện tích 1.236,0m²; trong đó có thửa đất số 996, tờ bản đồ số 02, diện tích 636,0m². Ngày 16/10/2006 ông Đào Văn B2 có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 996A, tờ bản đồ số 02, địa chỉ xóm D, xã T với diện tích đất ở là 240m², ngày 01/6/2007, bà Bùi Thị D và chồng là ông Đào Văn B2 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở với diện tích 240m² tại thửa đất số 996A, tờ bản đồ số 2, thôn D, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng số AI666334, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất HI00818. Theo biên bản xác định ranh giới - mốc giới lập ngày 15/11/2005 trong Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nêu trên thể hiện: Phía Bắc giáp Đào Văn S2; Phía Đông giáp ngõ chung rộng 1,5m; Phía Nam giáp đất canh tác; Phía Tây giáp đất canh tác (Biên bản được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, ủy ban nhân dân xã T và ông Đào Văn B2 ký xác nhận). Hiện trạng thửa đất số 27, tờ bản đồ số 03 theo Mảnh trích đo địa chính có 02 hộ đang sử dụng: Hộ bà Bùi Thị D và hộ bà Đào Thị S, tổng diện tích đất nằm trong chỉ giới thu hồi là: 727,3m², trong đó hộ bà Đào Thị S diện tích thu hồi là 360m², hộ bà Bùi Thị D là 367,3m².

[8.2] Căn cứ sơ đồ hiện trạng diện tích đất được thẩm định ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo đề nghị của người khởi kiện thể hiện: Phần diện tích 240m² đất ở của bà Bùi Thị D đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/6/2007 tại thửa 996A, tờ

bản đồ số 2, thôn D, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng nằm ngoài chỉ giới thu hồi đất xây dựng đường bao phía Nam xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (theo sơ đồ hiện trạng chỉ giới thu hồi đất còn cách chỉ giới cấp giấy chứng nhận từ mốc 6-7: 0,62m và từ 3-4 cách 2,12m)

Từ các căn cứ trên, xác định diện tích đất thu hồi 367,3m² của hộ bà Bùi Thị D tại thửa số 27, tờ bản đồ số 03 theo Mảnh trích đo địa chính, được xác định là đất nông nghiệp được giao theo Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 04/01/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố H đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp ngày 20/08/1995 tại thửa đất số 996, tờ bản đồ giải thửa số 02 nằm trong chỉ giới thu hồi đất xây dựng đường bao phía Nam xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Phần diện tích đất nông nghiệp còn lại mà hộ bà Bùi Thị D đang sử dụng 268,7m² tại thửa đất số 996, tờ bản đồ giải thửa số 02 trong tổng diện tích 636,0m² đất nông nghiệp được giao cùng 240m² đất ở tại thửa 996A, tờ bản đồ số 2, thôn D, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng nằm ngoài chỉ giới thu hồi đất xây dựng đường bao phía Nam, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Như vậy, việc bà Bùi Thị D đề nghị công nhận 23,7m² trong diện tích đất thu hồi 367,3m² là đất ở thuộc thửa 996A là không có cơ sở.

[8.3] Về phương án bồi thường, hỗ trợ: Ngày 31/03/2023, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2383/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bao phía Nam, xã T, huyện T; Quyết định số 2385/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 18694/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T khi nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư, xây dựng đường bao phía Nam xã T; theo đó hộ bà Bùi Thị D (Phương án số 64/PA-TCT) được đền bù 367,3m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm giao theo Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 04/01/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố H, với số tiền bồi thường về đất 26.445.000 đồng.

[8.4] Căn cứ các quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP đối tượng được hỗ trợ; Điều 129 Luật Đất đai, Ủy ban nhân dân huyện T đã tính toán bồi thường toàn bộ diện tích 376,3 m² đất bị thu hồi và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cho diện tích 367,3 m² theo mức giao đất tại địa phương và hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho 08 nhân khẩu là 21.600.000 đồng. Tổng số tiền hộ bà Bùi Thị D được bồi thường là 202.672.600 đồng. Bà D yêu cầu ngoài việc được bồi thường về tiền đất, hỗ trợ ổn định sản xuất, đào tạo chuyển đổi nghề ở trên thì đối với diện tích 367,3 m² đất nông nghiệp bà D phải được bồi thường toàn bộ chi phí đầu tư vào đất, đồng thời cũng yêu cầu được hưởng phần chi phí đầu tư vào đất đối với phần diện tích đất 360m² thu hồi tại thửa 99, tờ bản đồ số 2 của bà Đào Thị S (mẹ chồng bà D) vì cũng tương tự như phần diện tích đất bà D bị thu hồi đã được bố mẹ chồng bà D giao cho bà D trồng cây cối, hoa màu trên đất. Về phần đất đã bồi thường cho bà S, còn phần chi phí còn lại bỏ ra để thau chua, rửa mặn, vượt lập từ đất trũng thành đất bằng cao khoảng 1,3m nên bà D cũng yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T được bồi thường theo quy định của pháp luật đất đai.

Căn cứ vào các tài liệu Hội đồng xét xử thấy: Theo hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện vị trí thửa đất hộ gia đình bà Bùi Thị D và bà Đào Thị S đang sử dụng thuộc thửa đất số 996, tờ bản đồ 02 theo Bản đồ giải thửa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp giao theo Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 04/1/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố H với mục đích là trồng cây hàng năm. Do vậy căn cứ vào Khoản 1 Điều 76; điểm b khoản 1 Điều 77 luật đất đai bà Bùi Thị D không thuộc các trường hợp được bồi thường chi phí đầu tư vào đất mà thuộc trường hợp được bồi thường về đất. Như vậy căn cứ nguồn gốc đất, Ủy ban nhân dân huyện T đã lập và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ bà Bùi Thị D khi thu hồi toàn bộ diện tích 367,3m² cũng như xây dựng phương án bồi thường cho bà S khi thu hồi diện tích đất 360m² của bà S là đúng, đủ theo quy định của pháp luật Đất đai cho nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại của bà Bùi Thị D cũng như yêu cầu phải xây dựng lại phương án bồi thường phần diện tích đất thu hồi (23,7m²) theo đơn giá đất ở và phần tài sản gắn liền với đất. Vì vậy, nội dung đề nghị xây dựng phương án bổ sung tính bổ sung chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với diện tích đất nông nghiệp cũng như xây dựng lại phương án bồi thường diện tích đất 23.7m² đất là đất ở là không có cơ sở.

[9] Về Quyết định số 4062/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất, do hộ bà Bùi Thị D bị thu hồi đất nhưng không chấp hành quyết định thu hồi đất, không bàn giao mặt bằng để Ủy ban nhân dân huyện còn triển khai đúng tiến độ hoạt động của cơ quan, Ủy ban nhân dân huyện T đã nhiều lần vận động để hộ bà D bàn giao mặt bằng nhưng không có kết quả. Ngày 16/5/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 4062/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và nội dung theo quy định tại Điều 66; Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

- Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 6430/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện T.

[10] Ngày 22/5/2023 Ủy ban nhân dân huyện T nhận được đơn khiếu nại đề ngày 18/5/2023 của bà Bùi Thị D khiếu nại lần đầu đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T xem xét lại diện tích 23,7m² đất thu hồi là đất ở, bổ sung phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất phần chi phí đầu tư còn lại vào đất gồm chi phí vật lập đất cao lên 1,2m đối với phần diện tích đã thu hồi, khiếu nại Quyết định số 4062/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà D, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành quyết định thành lập tổ xác minh, làm việc với các cá nhân, tổ chức liên quan. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã tiến hành kiểm tra, xác minh và tổ chức đối thoại trực tiếp trả lời các nội dung kiến nghị của bà Bùi Thị D nhưng bà D và các đại diện theo Ủy quyền không đồng ý. Ngày 24/07/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số 6430/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu nại của bà Bùi Thị D với nội dung Bác đơn khiếu nại của bà Bùi Thị D, địa chỉ Thôn D, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng là đảm bảo về trình tự, thủ tục thẩm quyền theo Điều 18 và Điều 31 Luật Khiếu nại.

- Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với bà Bùi Thị D.

[11] Ngày 08/8/2023 Ủy ban nhân dân thành phố H nhận được đơn khiếu nại lần hai đề ngày 24/7/2023 của bà Bùi Thị D khiếu nại Quyết định số 6430/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T. Sau khi xem xét nội dung đơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã thụ lý, giao Thanh tra thành phố kiểm tra, xác minh làm rõ nội dung khiếu nại cho Thanh tra thành phố. Ngày 06/11/2023, Thanh tra thành phố trình Chủ tịch UBND thành phố báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại. Chủ tịch UBND thành phố đã có văn bản giao Chánh thanh tra thành phố tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại. Căn cứ báo cáo của Thanh tra thành phố và kết quả đối thoại, ngày 18/3/2024, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 711/QĐ-UBND với nội dung: "...toàn bộ diện tích đất thu hồi 367,3m² của hộ gia đình bà Bùi Thị D là đất nông nghiệp được giao theo Quyết định số 03/QĐ-UB ngày 04/01/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố H, diện tích 240m² đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không nằm trong chỉ giới thu hồi thực hiện Dự án, số liệu đo đạc đất ở thực tế không chênh lệch so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đã cấp. Do đó, nội dung khiếu nại của bà Bùi Thị D về việc đề nghị công nhận 23,7m² là đất ở thuộc Thửa đất số 996A trong diện tích đất nông nghiệp thu hồi 367,3m² tại Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 31/03/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án là không có cơ sở. Hộ gia đình bà Bùi Thị D đã được bồi thường diện tích 367,3m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm giao theo Quyết định số 03-QĐ/UB ngày 04/01/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố H với số tiền là 26.445.000 đồng (đơn giá 72.000 đồng/m²), không thuộc trường hợp được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 76 và điểm b khoản 1 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, nội dung khiếu nại của bà Bùi Thị D về việc đề nghị bổ sung đền bù hỗ trợ 23,7m² đất ở thuộc Thửa đất số 996A, bổ sung chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất nông nghiệp diện tích 343,6m² là không có cơ sở. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 4062/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình bà Bùi Thị D theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, khiếu nại của bà Bùi Thị D đối với Quyết định số 4062/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất là không có cơ sở. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện việc giải quyết khiếu nại, ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu theo thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29 Điều 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011. Biên bản đối thoại đối với trường hợp người khiếu nại, người được ủy quyền không ký cần ghi rõ lý do theo khoản 4 Điều 30 Luật Khiếu nại năm 2011. Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 6430/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị D (lần đầu) là đúng quy định của pháp luật". Từ đó, Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với đơn khiếu nại của bà

Bùi Thị D là đảm bảo về trình tự, thủ tục thẩm quyền theo Điều 21 và Điều 32 Luật Khiếu nại.

[12] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy các Quyết định số 2383/QĐ- UBND ngày 31/3/2023 của UBND huyện T về việc thu hồi đất; Quyết định số 2385/QĐ- UBND ngày 31/3/2023 của UBND huyện T ban hành điều chỉnh Quyết định 18694/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt hỗ trợ bồi thường khi nhà nước thu hồi đất có danh sách kèm theo; Phương án bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất với hộ bà Bùi Thị D ban hành kèm theo Quyết định 2385/QĐ-UBND kèm theo phương án bồi thường số 64/PA-TCT để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bao phía Nam, xã T huyện T, thành phố Hải Phòng; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 4062/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T; Quyết định số 6430/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 711/QĐ - UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H giải quyết khiếu nại lần 2 là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự thủ tục, nội dung. Do đó, yêu cầu công nhận 23,7m² đất là đất ở thuộc thửa đất số 996A trong diện tích đất nông nghiệp thu hồi 367,3m² tại Quyết định 2383/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bao phía Nam, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, đề nghị hủy một phần Quyết định 2383/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 và một phần Quyết định 2385/QĐ-UBND và điều chỉnh phương án số 64/PA-TCT ban hành kèm theo theo đúng hiện trạng và quy định của pháp luật khi thu hồi đất phục vụ dự án đường bao phía Nam đối với hộ bà Bùi Thị D là không có cơ sở. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[13] Về án phí: Căn cứ Điều 348 Luật Tố tụng hành chính và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Bùi Thị D là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 157, Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 66, 69, 71, 75,76, 77, 129 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 Luật Khiếu nại;

Căn cứ khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D về việc yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định sau:

- Hủy bỏ 1 phần Quyết định phê duyệt phương án bồi thường 2385/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND huyện T về việc điều chỉnh Quyết định số 18694/QDD-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T khi nhà nước thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bao phía Nam xã T huyện T và 01 phần Phương án bồi thường số 64/PA-TCT ban hành kèm theo Quyết định 2385/QĐ-UBND ngày 31/3/2023;

- Hủy bỏ toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6430/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T;

- Hủy bỏ toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 711/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T điều chỉnh Quyết định thu hồi đất số 2383/QĐ- UBND ngày 31/3/2023, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2385/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 và Phương án bồi thường số 64/PA-TCT theo đúng hiện trạng và quy định pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị D được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- Cục THADSTP. Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hải Yến

